TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 26/01/2021.
Về việc: "Xin ly hôn và nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Tấn Lập

2. Ông Trần Huy Liệu

***- Thư ký phiên toà*:** Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Minh Hậu** – Kiểm sát V.

Trong ngày 26 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 412/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc: "*Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con chung*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Phan Minh N**, sinh năm 1995 (có mặt).

Địa chỉ: số nhà 611/35 Mạc Cửu, phường Vĩnh Quang, thành phố RG, tỉnh KG

2/ Bị đơn: Anh **Trương Nguyễn Điền V**, sinh năm 1989 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Tân Điền, xã Mỹ Lâm, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phan Minh N trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Sau thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau chị N và anh V được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2016. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/12/2016.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh V không tôn trọng chị và gia đình chị, thường xuyên có hành vi bạo lực với chị. Mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên chị và anh V đã ly thân hơn 01 năm nay, hiện tại chị và anh V không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên chị N yêu cầu được ly hôn với anh V.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị N xác nhận chị và anh V có 02 con chung tên Trương Phan Hồng Ân, sinh ngày 18/4/2017 và Trương Phan Phúc Vinh, sinh ngày 17/12/2018. Hiện tại chị N đang chăm sóc cháu Vinh, còn anh V đang chăm sóc cháu Hồng Ân. Ly hôn chị N yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị N xác nhận quá trình chung sống chị và anh V không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị N trình bày quá trình chung sống chị và anh V không không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh Trương Nguyễn Điền V trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Anh V đồng ý với lời trình bày của chị N, anh và chị N kết hôn với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/12/2016. Quá trình chung sống anh V thừa nhận giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, hiện tại đã ly thân với nhau hơn 01 năm nay. Nay chị N yêu cầu được ly hôn với anh thì anh cũng đồng ý do không còn tình cảm và cuộc sống không còn hạnh phúc.

- Về con chung: Anh V xác nhận anh và chị N có hai người con chung tên Trương Phan Hồng Ân sinh ngày 18/4/2017 và Trương Phan Phúc Vinh, sinh ngày 17/12/2018. Ly hôn anh V yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản và nợ chung: Anh V xác nhận quá trình chung sống anh và chị N không có tài sản chung và nợ có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Phan Minh N yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Trương Nguyễn Điền V. Anh V cư trú tại ấp Tân Điền, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị N và anh V kết hôn với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 13/12/2016 nên hôn nhân giữa chị N và anh V là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Quá trình giải quyết vụ án chị N và anh V đều trình bày trong quá trình chung sống giữa anh chị có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, hiện tại chị N và anh V đã ly thân hơn 01 năm nay, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Tại phiên tòa chị N yêu cầu được ly hôn thì anh V cũng đồng ý. Do đó HĐXX ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh V và chị N theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh V đều xác định trong quá trình chung sống anh chị có với nhau 02 người con chung tên Trương Phan Hồng Ân, sinh ngày 18/4/2017 và Trương Phan Phúc Vinh, sinh ngày 17/12/2018. Trong quá trình giải quyết vụ án cả hai anh chị đều muốn được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy, hiện tại chị N đang chăm sóc cháu Vinh, còn anh V đang chăm sóc cháu Hồng Ân, hai cháu đang được chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển bình thường. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, giúp cháu phát triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Vinh cho chị N nuôi dưỡng và giao cháu Ân cho anh V nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay phía chị N và anh V đồng ý mỗi người tiếp tục nuôi dưỡng các cháu như hiện tại. Cụ thể phía chị N đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Phan Phúc Vinh, sinh ngày 17/12/2018 đến tuổi trưởng thành, chị N đồng ý giao cho phía anh V tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trương Phan Hồng Ân, sinh ngày 18/4/2017. Các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, phía anh V đồng ý đối với yêu cầu này của

chị N. Do đó HĐXX ghi nhận sự tự nguyện này của các đương sự. Giao cháu Trương Phan Phúc Vinh, sinh ngày 17/12/2018 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, giao cháu Trương Phan Hồng Ân, sinh ngày 18/4/2017 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị N và anh V đều không yêu cầu Tòa án xem xét về nghĩa vụ cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.3] Về tài sản chung: Chị N và anh V đều xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[2.4] Về nợ chung: Chị N và anh V đều xác nhận không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Phan Minh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 55; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trương Nguyễn Điền V và chị Phan Minh N.

2/. Về con chung : Ghi nhận sự tự nguyện giữa chị N và anh V. Giao cháu Trương Phan Hồng Ân, sinh ngày 18/4/2017 cho anh V tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành và giao cháu Trương Phan Phúc Vinh, sinh ngày 17/12/2018 cho chị Phan Minh N nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Chị N và anh V có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác nhận không có tài sản chung, không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Phan Minh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộ p theo biên lai thu tiền số 0001330 ngày 18/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị N đã nộp đủ án phí.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn An